

THÔNG TƯ

Hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ.

Để tăng cường công tác kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1.1 Thông tư này quy định nội dung và trách nhiệm quản lý công tác kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công từng hạng mục hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ (sau đây gọi chung là kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ).

1.2 Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ; các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ, trừ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh do các tổ chức thuộc Bộ Quốc phòng làm chủ đầu tư.

2. Mục đích kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

2.1 Kiểm tra việc chấp hành các tiêu chuẩn, quy phạm, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản khác có liên quan đến công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

2.2 Phát hiện những sai sót trong quá trình sản xuất để kịp thời loại bỏ các sản phẩm không bảo đảm chất lượng và tìm biện pháp xử lý khắc phục các sai sót nhằm bảo đảm chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

2.3 Xác nhận chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ đã hoàn thành.

3. Nguyên tắc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

3.1 Việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải được tiến hành thường xuyên trong quá trình sản xuất; kế hoạch kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu phải được lập trên cơ sở tiến độ thi công các công đoạn công trình, sản phẩm.

3.2 Đơn vị thi công công trình, sản phẩm phải tự kiểm tra, nghiệm thu chất lượng tất cả các hạng mục công trình, sản phẩm do mình thi công.

3.3 Chủ đầu tư căn cứ vào hạng mục công việc của công trình, sản phẩm tiến hành kiểm tra, thẩm định chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ trong quá trình thi công, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đã hoàn thành.

4. Cơ sở pháp lý để kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

4.1 Tiêu chuẩn, quy phạm, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

4.2 Dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

5. Hệ thống cơ quan quản lý công tác kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

5.1 Quản lý nhà nước về công tác kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ được quy định như sau:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường thống nhất quản lý nhà nước về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; ban hành các văn bản quy định về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; quyết định đình chỉ thi công, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm thi công không đúng thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt hoặc vi phạm nghiêm trọng các tiêu chuẩn, quy định về kỹ thuật và kinh tế;

Cục Đo đạc và Bản đồ có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn chủ đầu tư công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; chịu trách nhiệm trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản, đo đạc và bản đồ chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ thực hiện kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý của ngành mình;

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện quản lý nhà nước về công tác kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ ở địa phương mình.

5.2 Chủ đầu tư sử dụng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, cơ quan chuyên môn, thành lập hội đồng tư vấn, thuê tổ chức có chức năng tư vấn về đo đạc và bản

đồ, thuê chuyên gia để kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm và nghiệm thu công trình, sản phẩm đó.

5.3 Đơn vị thi công sử dụng lực lượng chuyên môn, kỹ thuật của mình để thực hiện việc kiểm tra và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ trong quá trình thi công.

6. Trách nhiệm quản lý công tác kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

6.1 Trách nhiệm của cơ quan quyết định đầu tư

a) Thẩm định hồ sơ nghiệm thu; xác nhận chất lượng, khối lượng đã hoàn thành; thẩm định hồ sơ quyết toán và phê duyệt quyết toán các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ của chủ đầu tư;

b) Quyết định giải quyết những phát sinh, vướng mắc về công nghệ mà chưa có quy định kỹ thuật về công nghệ đó; giải quyết những phát sinh, vướng mắc về định mức kinh tế khi thay đổi giải pháp công nghệ mà làm tăng giá trị dự toán vượt quá giá trị dự toán đã được phê duyệt; giải quyết những phát sinh về khối lượng khi khối lượng hoàn thành vượt quá năm phần trăm (5%) so với khối lượng đã được phê duyệt; giải quyết việc kéo dài tiến độ thi công công trình, sản phẩm so với tiến độ thi công đã được phê duyệt;

c) Quyết định đình chỉ thi công, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm công trình đang thi công không đúng thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt hoặc vi phạm nghiêm trọng các tiêu chuẩn, quy định về kỹ thuật và kinh tế.

6.2 Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Bảo đảm chất lượng, khối lượng, tiến độ thực hiện đối với các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ được giao;

b) Quyết định giải quyết những phát sinh, vướng mắc về công nghệ đã có quy định kỹ thuật cụ thể; giải quyết những phát sinh, vướng mắc về định mức kinh tế khi thay đổi giải pháp công nghệ mà không làm tăng giá trị dự toán so với giá trị dự toán đã được phê duyệt; giải quyết những phát sinh về khối lượng khi khối lượng hoàn thành không vượt quá năm phần trăm (5%) so với khối lượng đã được phê duyệt;

c) Giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ trong quá trình thi công công trình, sản phẩm; kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đối với các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ được giao;

d) Quyết định đình chỉ thi công, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm đang thi công không đúng thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt hoặc vi phạm nghiêm trọng các tiêu chuẩn, quy định về kỹ thuật và kinh tế.

6.3 Trách nhiệm của đơn vị thi công

a) Tổ chức hệ thống kiểm tra và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm theo đúng chế độ kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ;

b) Thực hiện đúng thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt, đúng tiêu chuẩn, quy định về kỹ thuật và kinh tế;

c) Chịu sự giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu của chủ đầu tư, của cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm;

d) Trường hợp có thay đổi về giải pháp công nghệ, thiết kế kỹ thuật, định mức kinh tế, khối lượng công việc, tiến độ thi công so với dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt thì phải báo cáo kịp thời với chủ đầu tư và chỉ được thực hiện sau khi có trả lời bằng văn bản của chủ đầu tư hoặc cơ quan quyết định đầu tư;

đ) Bảo đảm chất lượng, khối lượng, tiến độ công trình, sản phẩm do đơn vị mình thi công; trường hợp công trình, sản phẩm chưa đạt chất lượng thì phải làm bù hoặc làm lại bằng kinh phí của mình.

7. Chế độ báo cáo trong quá trình thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

7.1 Trước ngày 20 hàng tháng, đơn vị thi công phải gửi báo cáo về chất lượng, khối lượng, tiến độ đã thực hiện đến chủ đầu tư.

7.2 Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc kể từ khi hoàn thành từng công đoạn của công trình, sản phẩm và trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ khi hoàn thành toàn bộ công trình, sản phẩm, chủ đầu tư phải gửi báo cáo về chất lượng, khối lượng, tiến độ đã thực hiện đến cơ quan quyết định đầu tư.